

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

ĐẶC ĐIỂM NGỮ ÂM PHƯƠNG NGỮ NAM BỘ HỒ VĂN TUYẾN*

TÓM TẮT: Ngữ âm là tiêu chí đầu tiên và quan trọng để phân chia các vùng phương ngữ, thổ ngữ. Việc xác định các vùng phương ngữ, thổ ngữ theo tiêu chí này không chỉ cần thiết trong việc nghiên cứu ngôn ngữ, phương ngữ, văn hóa mà còn đặc biệt hữu ích trong lĩnh vực giáo dục.

Đã có nhiều công trình nghiên cứu về đặc điểm ngữ âm Nam Bộ nhưng các nghiên cứu này vẫn chưa có sự thống nhất. Bài viết bước đầu miêu tả những đặc điểm riêng biệt của ngữ âm vùng Nam Bộ nói chung và các tiểu vùng Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ nói riêng nhằm phác họa bức tranh ngữ âm của phương ngữ vùng đất này.

TỪ KHÓA: chính tả phương ngữ; đặc điểm ngữ âm; phương ngữ Nam Bộ; ngữ âm Đông Nam Bộ; tiểu vùng phương ngữ.

NHẬN BÀI: 8/7/2019

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 12/1/2020

1. Đặt vấn đề

Nghiên cứu ngữ âm tiếng Việt chủ yếu là miêu tả hệ thống ngữ âm chuẩn mực của nó. Nghiên cứu ngữ âm của một phương ngữ, thổ ngữ lại chủ yếu chỉ ra những đặc điểm ngữ âm riêng biệt của các phương ngữ, thổ ngữ này. Những đặc điểm ngữ âm riêng biệt ấy đã tạo nên diện mạo của một phương ngữ, thổ ngữ và góp phần làm phong phú, đa dạng sắc màu tiếng nói dân tộc. Đặc điểm ngữ âm của một phương ngữ, thổ ngữ có mối quan hệ đến các lĩnh vực văn hóa, văn học, lịch sử, giáo dục của địa phương, vùng, khu vực...

Đã có nhiều công trình nghiên cứu về đặc điểm ngữ âm Nam Bộ nhưng các nghiên cứu này vẫn chưa có sự thống nhất. Phương ngữ Nam Bộ gồm hai tiểu vùng: Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ. Đặc điểm ngữ âm giữa hai tiểu vùng này cũng có sự khác biệt. Đặc biệt trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập hiện nay thì sự khác biệt về ngữ âm giữa hai tiểu vùng này càng thể hiện rõ nét.

Bài viết bước đầu chỉ ra, miêu tả những đặc điểm riêng biệt của ngữ âm vùng Nam Bộ nói chung và các tiểu vùng Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ nói riêng nhằm phác họa bức tranh ngữ âm của phương ngữ vùng đất này.

2. Vài nét về phân vùng phương ngữ Việt và vùng địa lí Nam Bộ

a) Phân vùng phương ngữ Việt

Việc phân vùng phương ngữ Việt đã có rất nhiều quan điểm khác nhau. Nhiều nhà nghiên cứu chia ba vùng phương ngữ: phương ngữ Bắc, phương ngữ Trung và phương ngữ Nam (tiêu biểu cách chia này có Hoàng Thị Châu, Lê Văn Lý, Nguyễn Bạt Tụy, Vương Hữu Lễ...). Tiếng Việt ở vùng địa lí trải dài từ đèo Hải Vân đến cực nam Tổ quốc, được các tác giả này gọi là *phương ngữ Nam* [2,91].

Từ thế kỉ XVII, xuất hiện tiếng Việt ở địa phương Nam Bộ - vùng địa lí từ Đồng Nai, Bình Phước đến mũi Cà Mau. Tiếng Việt ở vùng này được Nguyễn Văn Ái [1,10], Trần Thị Ngọc Lang [4,7], Hồ Lê, Bùi Khánh Thế, Cao Xuân Hạo,... gọi là *phương ngữ Nam Bộ*. Các tác giả này chia phương ngữ Việt thành bốn vùng: phương ngữ Bắc Bộ, phương ngữ Bắc Trung Bộ, phương ngữ Nam Trung Bộ và phương ngữ Nam Bộ. Chúng tôi có cùng quan điểm với cách chia này.

b) Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ

Đông Nam Bộ là miền đất phía Đông của Nam Bộ, gồm có 6/19 tỉnh thành của Nam Bộ (theo cách phân chia địa giới hành chính năm 1997). Đó là các tỉnh thành: Thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Tây Ninh. Đông Nam Bộ là vùng đất giáp với Nam Trung Bộ, có Thành phố Hồ Chí Minh, một thành phố lớn về kinh tế, văn hóa... tiêu biểu ở phía Nam, là nơi tập trung nguồn dân cư đến từ nhiều địa phương khác. Nơi đây có nhiều khu công nghiệp lớn như Đồng Nai, Bình Dương,... thu hút cư dân từ nhiều vùng miền của Tổ quốc đến sinh sống và làm ăn. Đây là những yếu tố có ảnh hưởng không nhỏ tới ngôn ngữ vùng đất.

* TS; Trường Đại học Thủ Dầu Một; Email: hoxuantuyen@gmail.com

Tây Nam Bộ là 13 tỉnh thành còn lại của Nam Bộ: Long An, Tiền Giang, Trà Vinh, Bến Tre, Vĩnh Long, Hậu Giang, Kiên Giang, An Giang, Sóc Trăng, Cần Thơ, Đồng Tháp, Bạc Liêu, Cà Mau. Đây là vùng đất sông nước rất đặc trưng của Nam Bộ. Nơi đây có nhiều dân tộc anh em khác sinh sống cùng với người Việt như Khmer, Hoa, Chăm. Ti lệ người Khmer ở đây cao hơn miền Đông Nam Bộ. Sự hiện diện của ngôn ngữ Hoa, Khmer của cộng đồng dân cư nơi đây đã làm cho ngôn ngữ Việt trên vùng đất này mang sắc màu riêng.

Những đặc điểm về vị trí địa lí, về môi trường tự nhiên, về dân tộc, kinh tế đã khiến hai tiểu vùng phương ngữ Tây và Đông của Nam Bộ có những điểm khác biệt.

3. Đặc điểm ngữ âm Nam Bộ trong phương ngữ Nam (theo cách chia ba vùng phương ngữ)

a) Tác giả Hoàng Thị Châu, trong tài liệu [2], đã nêu những đặc điểm cơ bản về ngữ âm của vùng phương ngữ Nam, có thể tóm tắt như sau:

(1) Hệ thống thanh điệu: Chỉ có 5 thanh điệu, thanh hỏi (?) và thanh ngã (~) không phân biệt hay không có thanh ngã.

(2) Hệ thống phụ âm đầu: Gồm 23 phụ âm. Trong đó:

- Có các phụ âm uốn lưỡi [ʃ-], [z-], [ʈ-] (chữ viết ghi là *s*, *r*, *tr*).

- Thiếu phụ âm /v-/, nhưng lại có thêm âm [w] bù lại (do sự tác động của âm đệm [-w-] đến các phụ âm mạch, hầu: /k/, /ŋ/, /h/, /q/ đứng trước làm xuất hiện [w] ở vị trí phụ âm đầu.

- Không có âm /z-/ và được thay thế bằng âm [j-].

Như vậy, hai bán âm [j] và [w] xuất hiện cả trong hệ thống phụ âm đầu của phương ngữ Nam.

(3) Hệ thống vần:

- Âm đệm [-w-] đang biến mất.

- Nguyên âm đôi thành nguyên âm đơn.

- Thiếu phụ âm cuối [-ŋ] (chữ viết *nh*), [-C] (chữ viết *ch*), chúng chuyển thành [-n, -t]. Do vậy, phương ngữ Nam đồng nhất các vần: *in*, *it* với *inh*, *ich*; *un*, *ut* với *ung*, *uc*.

- Hai cặp phụ âm cuối [-ng^m, -k^p] và [-ng, -k] đối lập dài/ ngắn, chứ không đối lập dòng sau/ dòng giữa (do các nguyên âm trở nên trung hòa thành nguyên âm dòng giữa). Ví dụ: *trong lòng* nói là *trang lòng...*

- Còn lẫn lộn âm cuối [-n] (chữ viết *n*) và [-ŋ] (chữ viết *ng*).

b) Tác giả Nguyễn Thị Hai trong [3] cũng đưa ra một số đặc điểm của phương ngữ Nam (xem tr.187 - 203).

- Phụ âm:

+ Phụ âm mặt lưỡi-ngạc, xát, hữu thanh [j] thay thế cho cả 3 phụ âm [v-], [z-], [ʒ-] của các vùng khác.

+ Trong ngôn ngữ sinh hoạt, các phụ âm [t-] bị thay thế bằng [C-], hai phụ âm [s-] và [ʃ-] bị thay thế bằng âm xuýt [ʃ-].

- Âm đệm /u-/ (/w-/) có xu hướng mất dần. Trong ngôn ngữ sinh hoạt thì âm này ở Nam Bộ là mất hẳn.

- Nguyên âm:

+ Nguyên âm /ɿ/ và /ǣ/ bị phát âm lẫn lộn, nghiêng về /ǣ/ hơn. Ví dụ: *nhân dân* - *nhần dân*.

+ Các nguyên âm /x/, /o/, /ɔ/ phát âm lẫn lộn. Ví dụ: *hộp* - *họp* - *hợp*.

+ Nguyên âm /e/ được phát âm thành [i] trong ngôn ngữ sinh hoạt ở nông thôn hoặc ở người già.

+ Nguyên âm /a/ có khi được phát âm thành [ɿ]. Ví dụ: *mai* - *môi*, *khá* - *khó* (Nam Bộ).

+ Không có âm vị /ɛ/ (không có vần *anh* và *ach*) nhưng có thêm [ɿ].

+ Kết hợp [-aj] thành [-aj]/ Ví dụ: *chạy* - *chại*, *tay* - *tai* (khu vực Nam Bộ).

- Âm cuối: Vẫn các phụ âm cuối /-n/, /-t/.

- Thanh hỏi và thanh ngã trùng làm một.

Tác giả Nguyễn Thị Hai chia phương ngữ Nam thành ba tiểu vùng [theo 3;179]: tiểu vùng Quảng Nam, Quảng Ngãi: vùng này có sự biến động của /a/ và /ǣ/; tiểu vùng từ Bình Định đến Bình Thuận:

mang đầy đủ đặc trưng của phương ngữ Nam; tiểu vùng Nam Bộ: đồng nhất các vần: *-n, -it* với *-nh, -ich; -un, -ut* với *-ung, -uc*.

Những đặc điểm của phương ngữ Nam được hai tác giả nêu ra ở trên mặc dù vẫn còn một vài đặc điểm khác biệt nhưng cơ bản là thống nhất. Những đặc điểm của phương ngữ Nam được hai tác giả thống nhất là hệ thống thanh điệu, phụ âm đầu, âm đệm và âm cuối. Tuy nhiên, cách miêu tả, sự cảm nhận ở mỗi tác giả là có chút khác biệt. Đặc biệt, những đặc điểm về nguyên âm, vần, hai tác giả có những nhận xét không giống nhau.

4. Đặc điểm ngữ âm Nam Bộ (theo cách chia bốn vùng phương ngữ)

Đặc điểm ngữ âm Nam Bộ được các tác giả Nguyễn Văn Ái (trong *Từ điển phương ngữ Nam Bộ*) và Huỳnh Công Tín (trong *Từ điển Từ ngữ Nam Bộ*) nêu ra sau đây:

a) Phụ âm đầu:

STT	Nguyễn Văn Ái (theo <i>Từ điển phương ngữ Nam Bộ</i> , tr.14-17)	Huỳnh Công Tín (theo <i>Từ điển Từ ngữ Nam Bộ</i> , tr.45-49)
1	- Không có /v-/. Tức không phân biệt chữ v với chữ d/ gi.	- Không phát âm được /v-/. Các âm /v-/ và /z-/ → [j-] (đọc như “z” nhấn mạnh). Tức không phân biệt chữ v với chữ d/ gi.
2		- Âm /ɣ-/ → /s-/. Ví dụ: <i>số sáu - xổ sáu</i> .
3		- Phụ âm /h-/ hoặc /k-/ khi đi với âm đệm → [w-]. Ví dụ: <i>hoa huê</i> → [wa: ¹ we: ⁶], <i>qua đường</i> → [wa: ¹ duwɿŋ ²].
4	- TNB: /t'/ → /ɣ/ (chữ viết: th → kh). Ví dụ: <i>tắm</i> - <i>tắm khám, thập - khạp</i> .	
5	- /z/ → /ɣ/ (chữ viết: r → g). Ví dụ: <i>cá rô - cá gô</i> .	
6	- /ʎ/ → /t/ (chữ viết: tr → t). Ví dụ: <i>cá trê - cá tê</i> .	

Nhận xét: Hai tác giả đều thống nhất phương ngữ Nam Bộ không có phụ âm đầu /v/ (phụ âm số 1). Các phụ âm số 2, 3 chỉ có tác giả Huỳnh Công Tín đưa ra. Ngược lại, các phụ âm số 4, 5, 6 chỉ có tác giả Nguyễn Văn Ái đưa ra. Tác giả này ghi chú các phụ âm số 4, 5, 6 chỉ xuất hiện ở Tây Nam Bộ mà thôi.

b) Vần

Các vần sau đây có sự khác biệt so với hệ thống vần tiếng Việt (tức là không phản ánh đúng chữ viết ghi vần của tiếng Việt):

STT	Nguyễn Văn Ái (theo <i>Từ điển phương ngữ Nam Bộ</i> , tr.14-17)	Huỳnh Công Tín (theo <i>Từ điển Từ ngữ Nam Bộ</i> , tr.45-49)
1	- Không có âm đệm /-u-/ (chữ viết là u và o). Ví dụ: <i>loan</i> → <i>lan, luyén</i> → <i>lién</i>) - Các nguyên âm đôi /iē/, /uo/, /uō/: o, ô, ơ khi đứng trước /- m/ và /- p/ thì các nguyên âm đôi mất yếu tố sau: <i>iē</i> → <i>i</i> , <i>uơ</i> → <i>ư</i> , <i>uô</i> → <i>u</i> . Ví dụ: <i>tiêm</i> → <i>tim</i> , <i>tiếp</i> → <i>típ</i> , <i>lượm</i> → <i>lượm</i> , <i>cuóp</i> → <i>cúp</i> .	- Không có âm đệm /-u-/.
3		- Khuôn vần [-wa:-] (chữ viết ghi <i>oa</i>). TNB phát âm

THU VIỆN TP. CẦN THƠ

		thành [-o-] (chữ viết ghi: <i>o</i>), hoặc thành [-a-] (chữ viết ghi <i>a</i>). Khuôn vần [-wɤ-] (chữ viết ghi <i>uâ</i>). TNB phát âm thành [-w-] (chữ viết là <i>u</i>).
4	- ĐNB: /e/ → /i/ (chữ viết: ê → i). Ví dụ: phát âm <i>êm - êp</i> thành <i>im - ip</i> , <i>đêm - đim</i> , <i>nếp - níp</i> .	- Nguyên âm /-e-/ → [-i-]. Ví dụ: <i>mắm nêm - mắm ním</i> , <i>ban đêm - ban đim</i> ,...
5		- Không phân biệt các vần: [-o:m], [-o:p] với [-ɤ:m], [-ɤ:p] (chữ viết: <i>ôm, óp, om, op</i>). Đều chung [-ɤ:m], [-ɤ:p].
6		- Không phân biệt các vần [-ã:m], [-ã:p] với [-ɤ:m], [-ɤ:p] (chữ viết: <i>ăm, ăp, âm, áp</i>). Đều chung [-a:m], [-a:p].
7		- Chuyển đổi từ [-uw] (chữ viết <i>uu</i>) hoặc [-uɤw] (chữ viết <i>uou</i>) → [u] (chữ viết <i>u</i>). Ví dụ: <i>về hưu - về hu</i> , <i>con hươu - con hu</i> .

Nhận xét: Hai tác giả đều thống nhất ở vần số 1, 4. Các vần số 3, 5, 6, 7 chỉ có tác giả Huỳnh Công Tín nêu ra. Riêng vần số 3, Huỳnh Công Tín cho rằng chúng chỉ xuất hiện ở Tây Nam Bộ.

c) Âm cuối

Các âm cuối sau đây có sự khác biệt so với hệ thống âm cuối tiếng Việt (tức là không phản ánh đúng chữ viết ghi âm cuối của tiếng Việt):

STT	Nguyễn Văn Ái (theo <i>Từ điển phương ngữ Nam Bộ</i> , tr.14-17)	Huỳnh Công Tín (theo <i>Từ điển Từ ngữ Nam Bộ</i> , tr.45-49)
1	- Không phân biệt /-n/ - /-ŋ/ (chữ viết n - ng).	- Không phân biệt /-n/ - /-ŋ/ (chữ viết n - ng).
2	- Không phân biệt /-t/ - /-k/ (chữ viết t - c).	- Không phân biệt /-t/ - /-k/ (chữ viết t - c).
3	- Không phân biệt -i và -y (chữ viết).	- Không phân biệt -i và -y (chữ viết).

Nhận xét: Các âm cuối trong phương ngữ Nam Bộ được hai tác giả đều chung quan điểm. Trường hợp không phân biệt i và y, chúng tôi cho rằng các tác giả đã nhầm về mặt chữ viết và âm vị. Thực ra, ở đây là sự lẫn lộn giữa âm /ă/ (trong vần *ay*) và /a/ (trong vần *ai*).

d) Thanh điệu

Các thanh điệu sau đây có sự khác biệt so với hệ thống thanh điệu tiếng Việt (tức là không phản ánh đúng chữ viết ghi thanh điệu của tiếng Việt):

Nguyễn Văn Ái (theo <i>Từ điển phương ngữ Nam Bộ</i> , tr.14-17)	Huỳnh Công Tín (theo <i>Từ điển từ ngữ Nam Bộ</i> , tr.45-49)
- “Phương ngữ Nam Bộ có 5 dấu giọng” [tr.15].	- Không phân biệt thanh hỏi và thanh ngã.

Nhận xét: Hai tác giả đều cho phương ngữ Nam Bộ không phân biệt thanh hỏi và thanh ngã hay nói cách khác: không có thanh ngã.

5. Ngữ âm Nam Bộ - những đặc điểm toàn vùng

Từ những cảm nhận qua thực tế tiếp xúc với cư dân của hai khu vực Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ, từ kết quả nghiên cứu của các nhà ngôn ngữ học nói trên, chúng tôi đưa ra đặc điểm ngữ âm của phương ngữ Nam Bộ như sau.

* Đặc điểm ngữ âm Nam Bộ cơ bản là những đặc điểm ngữ âm của phương ngữ Nam được hai tác giả Hoàng Thị Châu và Nguyễn Thị Hai miêu tả ở trên. Đó là những đặc điểm sau đây.

- Về âm đầu:

+ Không có /v-/ (tức không phân biệt chữ v với chữ d/ gi). Thiếu phụ âm /v-/, nhưng lại có thêm âm [w-] bù lại (do sự tác động của âm đệm /-w-/ đến các phụ âm mạc, hầu /k/, /ŋ/, /h/, /q/ đứng trước làm xuất hiện [w] ở vị trí phụ âm đầu).

+ Phụ âm /z/ được thay thế bằng âm [j].

+ Các phụ âm /ʃ-/ (chữ viết *tr*) và /C-/ (chữ viết *ch*), /s/ (chữ viết *x*) và /ʒ-/ (chữ viết *s*) có xu hướng lẫn lộn. Ví dụ: *sản xuất* thành *xản xức*, *chiến tranh* thành *chiếng chanh*.

- Về vần:

+ Không có âm đệm /-w-/ (chữ viết là *u* và *o*). Ví dụ: *luyền* thành *liền*, *lòe loẹt* thành *lè leẹt*, *thuê* thành *thé*, *toán* thành *táng*,...

+ Các nguyên âm đôi /iē/, /uo/, /uɔ/ khi đứng trước /-m/ và /-p/ thì mất yếu tố sau. Cụ thể qua chữ viết: *iê* → *i*, *uơ* → *u*, *uô* → *u*. Ví dụ: *tiêm* thành *tim*, *tiếp* thành *típ*, *lượm* thành *lựm*, *cuóp* thành *cúp*.

+ Nguyên âm /-e-/ biến thành [-i-] (chữ viết: *ê* → *i*). Ví dụ: phát âm *êm* - *ép* thành *im* - *ip*, *đêm* thành *đim*, *nếp* thành *níp*, *mắm nêm* thành *mắm nim*, *ban đêm* thành *ban đim*... Đặc điểm này, tác giả Nguyễn Văn Ái cho rằng chỉ xuất hiện ở khu vực Đông Nam Bộ. Tuy nhiên, theo chúng tôi quan sát thì người miền Tây Nam Bộ cũng phát âm không phân biệt hai nguyên âm này.

+ Không phân biệt các vần: [-o:m], [-o:p] với [-ɔ:m], [-ɔ:p] (chữ viết: *ôm*, *óp*, *om*, *op*). Điều chung [-ɔ:m], [-ɔ:p].

+ Không phân biệt các vần: [-ă:m], [-ă:p] với [-ɛ:m], [-ɛ:p] (chữ viết: *ăm*, *áp*, *âm*, *áp*). Điều chung [-a:m], [-a:p].

+ Chuyển đổi từ [-urw] (chữ viết *ưư*) hoặc [-urɔw] (chữ viết *uou*) thành [u] (chữ viết *u*). Ví dụ: *về* thành *vê*, *con huơu* thành *con hu*.

- Về âm cuối: Có 6 âm cuối (thay vì 8 âm cuối). Hai cặp /-n/ - /-ŋ/, /-t/ - /-k/ không phân biệt:

- Không phân biệt [-n] - [-ŋ] (chữ viết *n* - *ng*, *n* - *nh*). Ví dụ: *giang hồ* - *gian hồ*, *chúng mình* - *chún mìn*, *tàn lụi* - *tàng lụi*.

- Không phân biệt [-t] - [-k] (chữ viết *t* - *c*, *t* - *ch*). Ví dụ: *đôi mắt* - *đôi mắc*, *thích* - *thít*, *bạc phéch* - *bạt phét*,...

- Về thanh điệu: Có 5 thanh điệu (do không phân biệt thanh hỏi và thanh ngã hay không có thanh ngã).

* Chúng tôi đề nghị bổ sung những đặc điểm ngữ âm Nam Bộ sau đây:

- Không phân biệt vần [ău] (chữ viết *au*) và [au] (chữ viết là *ao*). Ví dụ: phát âm *Cà Mau* thành *Cà Mao*.

- Không phân biệt âm [-ɔ-] (chữ viết là *o*) và [-o] (chữ viết là *ô*). Ví dụ: phát âm *đường cong* thành *đường công*, *long đong* thành *lông đông*,...

- Không phân biệt vần [ai] (chữ viết: *ai*) và vần [ăi] (chữ viết: *ay*). Ví dụ: *máy bay* - *mái bai*, *bay lượn* - *bai lượn*.

6. Những khác biệt về ngữ âm giữa Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ

Nhìn chung, về cơ bản, ngữ âm của hai tiểu vùng phương ngữ Nam Bộ cùng chung đặc điểm ngữ âm của phương ngữ Nam Bộ nêu trên. Tuy nhiên, theo khảo sát và cảm nhận của chúng tôi thì ngữ âm giữa các tiểu vùng phương ngữ Tây Nam Bộ và tiểu vùng phương ngữ Đông Nam Bộ vẫn có

những nét khác biệt. Những đặc điểm ngữ âm sau đây của tiểu vùng phương ngữ Tây Nam Bộ, chúng tôi không thấy xuất hiện ở Đông Nam Bộ:

- /t'/ → /ɣ/ (chữ viết: *th* → *kh*). Ví dụ: *tắm tắm* - *tắm khám*, *thap* - *khap*...
- /z/ → /ɣ/ (chữ viết: *r* → *g*). Ví dụ: *cá rô thành cá gô*, *ròng rọc thành gòng gọc*...
- /ʎ/ → /t/ (chữ viết: *tr* → *t*). Ví dụ: *cá trê thành cá tê*, *trong trèo thành tong tèo*,...
- Khuôn vần [-wa:-] (chữ viết ghi *oa*) phát âm thành [-ɔ:-] (chữ viết ghi: *oo*), hoặc thành [-a:-] (chữ viết ghi *a*). Ví dụ: *loan thành loong*,...
- Khuôn vần [-wɿ-] (chữ viết ghi *uê*) phát âm thành [-w-] (chữ viết là *u*). Ví dụ: *tuân thành tun*, *luân lí thành lun lí*,...
- /ɣ/ → /f/ (chữ viết: *kh* → *ph*). Ví dụ: *khoai lang thành phai lang*, *khuya khoắt thành phia phắc*, *khôe thành phê*...

Nguyên nhân dẫn đến một số sự khác biệt về ngữ âm giữa Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ có thể là:

(1) Đông Nam Bộ có vị trí địa lí giáp với Nam Trung Bộ nên có sự chùng lẩn, ảnh hưởng qua lại giữa hai vùng phương ngữ này.

(2) Đông Nam Bộ có Thành phố Hồ Chí Minh, một thành phố lớn về kinh tế, văn hóa... tiêu biểu ở phía Nam nên ngôn ngữ có sự tác động mạnh mẽ từ trung tâm này đến các khu vực xung quanh, nhất là các tỉnh thành miền Đông Nam Bộ.

(3) Đông Nam Bộ có nhiều khu công nghiệp lớn (như Đồng Nai, Bình Dương...) thu hút cư dân từ nhiều vùng miền của Tổ quốc đến sinh sống và làm ăn. Do đó, ngôn ngữ nơi đây cũng chịu ảnh hưởng của ngôn ngữ cư dân từ nơi khác đến.

(4) So với Đông Nam Bộ thì Tây Nam Bộ có đông đồng bào dân tộc Khmer sinh sống. Vì vậy vùng này chịu ảnh hưởng ngôn ngữ Khmer nhiều hơn.

7. Ngữ âm Nam Bộ và việc dạy đọc, viết trong nhà trường

Ở bậc tiểu học, trong môn Tiếng Việt, phân môn Tập đọc và phân môn Chính tả là những môn học có mối quan hệ chặt chẽ với phát âm địa phương.

Đối với phân môn Tập đọc, sẽ không khả thi nếu chúng ta luyện cho các em phát âm theo chuẩn chữ viết (hay chuẩn âm trừu tượng). Các em sẽ phát âm thiếu tự nhiên nếu không theo cách phát âm địa phương mình và người nghe cũng cảm thấy rất gượng gạo. Vì thế, cần phải có một lựa chọn khác, thực tế, phù hợp và khả thi hơn: đưa ra chuẩn âm sát với từng vùng phương ngữ. Lựa chọn này phải chấp nhận cả hai chuẩn âm: chuẩn âm theo chuẩn chữ viết và chuẩn âm do biến thể phương ngữ. Có tác giả đã đề xuất ba chuẩn phát âm biến thể phương ngữ cho ba vùng phương ngữ Việt để giáo viên làm căn cứ luyện đọc cho học sinh. Theo đó, vùng phương ngữ Nam Bộ được “chọn cách phát âm của tiếng Sài Gòn như phát thanh viên Đài Phát thanh, Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh” [5;14] làm chuẩn âm thứ hai.

Nếu trong Tập đọc, chúng ta chấp nhận chuẩn âm do biến thể phương ngữ thì trong Chính tả chỉ chấp nhận một chuẩn chữ viết mà thôi. Chuẩn chữ viết tương hợp với chuẩn ngữ âm trừu tượng. Chính tả tiếng Việt cơ bản là chính tả ngữ âm nên cách phát âm địa phương của học sinh ảnh hưởng rất nhiều đến việc viết đúng của các em. Thực tế cho thấy, học sinh mắc nhiều lỗi chính tả liên quan đến phát âm địa phương hơn mắc các lỗi do nguyên nhân khác. Do đó, để dạy chính tả phương ngữ hiệu quả, giáo viên phải căn cứ vào thực tế phát âm địa phương của đối tượng học sinh lớp mình dạy mà chọn nội dung và bài tập chính tả được giới thiệu trong sách giáo khoa cho phù hợp. Việc phát âm địa phương của giáo viên khi đọc bài chính tả cho học sinh viết cũng có hệ quả tương tự: giáo viên phát âm chuẩn thì học sinh viết đúng và ngược lại.

Việc xác lập một “bản đồ” mô tả về ngữ âm Nam Bộ, thậm chí ngữ âm của các tiểu vùng của phương ngữ này sẽ là cần thiết trong việc dạy đọc và nhất là dạy viết đúng cho học sinh trên địa bàn.

8. Kết luận

Đặc điểm ngữ âm của phương ngữ Nam Bộ cơ bản là đặc điểm ngữ âm của phương ngữ Nam (khu vực địa lý từ đèo Hải Vân đến mũi Cà Mau) nói chung. Ngoài những đặc điểm cơ bản ấy, phương ngữ Nam Bộ vẫn có những nét riêng biệt về ngữ âm so với toàn vùng phương ngữ Nam.

Phương ngữ Nam Bộ có hai tiểu vùng Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ. Đặc điểm ngữ âm của tiểu vùng phương ngữ Tây Nam Bộ có nhiều điểm khác biệt so với Đông Nam Bộ.

Ngữ âm toàn vùng của phương ngữ Nam Bộ có tính thống nhất cao. “Nhìn chung, diện mạo ngữ âm ở đồng bằng Nam Bộ mang tính thống nhất cao” [1;17]. Phát âm của người Nam Bộ “thiên về khuynh hướng chọn sự dễ dãi, thoải mái trong phát âm. Các bộ phận tham gia vào tiến trình phát âm không phải xê dịch nhiều. Một số động tác khó trong phát âm được đơn giản hóa như hiện tượng quặt lưỡi, hiện tượng môi hóa, yếu hầu...” [dẫn theo 6;49]. Nhiều người có cảm giác chung là “giọng Nam Bộ dịu nhẹ” [1;14]. Tuy nhiên, giữa các tiểu vùng trong nội bộ phương ngữ này cũng có những đặc điểm ngữ âm riêng biệt.

Ngữ âm là tiêu chí đầu tiên và quan trọng để phân chia các vùng phương ngữ, thổ ngữ. Việc xác định các vùng phương ngữ, thổ ngữ theo tiêu chí này không chỉ cần thiết trong việc nghiên cứu ngôn ngữ, phương ngữ, văn hóa mà còn đặc biệt hữu ích trong lĩnh vực giáo dục, trong dạy kỹ năng đọc và viết ở trường phổ thông.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Ái (chủ biên) - Lê Văn Đức - Nguyễn Công Khai (1994), *Từ điển phương ngữ Nam Bộ*, Nxb TP. Hồ Chí Minh.
2. Hoàng Thị Châu (2004), *Phương ngữ học tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Nguyễn Thị Hai (2017), *Ngữ âm học tiếng Việt hiện đại*, Nxb Thanh niên.
4. Trần Thị Ngọc Lang (1995), *Phương ngữ Nam bộ*, Nxb Khoa học Xã hội.
5. Lê Phương Nga (2009), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2 (Giáo trình dành cho hệ cử nhân Giáo dục Tiểu học hệ từ xa)*, Nxb Đại học Sư phạm.
6. Huỳnh Công Tín (2007), *Từ điển từ ngữ Nam Bộ*, Nxb Khoa học Xã hội.
7. Web: Đông Nam Bộ (Việt Nam)_ Truy cập ngày 12 tháng 6 năm 2018_ ([https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%C3%B4ng_Nam_B%E1%BB%99_\(Vi%E1%BB%87t_Nam\)](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%C3%B4ng_Nam_B%E1%BB%99_(Vi%E1%BB%87t_Nam))).

Phonetic characteristics of the Vietnamese Southern dialect

Abstract: Phonetics is the first and most important criterion for dividing dialects, subdialects. Defining the boundaries of dialects, subdialects according to this criterion is not only necessary in the study of language, dialect, culture, but also particularly useful in the field of education.

There have been many studies on the characteristics of the Vietnamese Southern dialect but these studies have not been united.

This article initially describes the specific phonetics characteristics of the Southern dialect in general and in the South East and South West in particular to sketch the phonetic picture of the dialect of this land.

Key words: spelling of dialects; phonetic characteristics; Vietnamese Southern dialect; phonetic of South East of Vietnam; subregional dialects.